

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2018/HS-ST.
Ngày 10-8-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Nguyễn Quang Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn D, sinh năm 1977, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D1 và bà Trần Thị X; có vợ và 03 con; tiền sự: Không có; tiền án: **Tại Bản án số 92/2016/HSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Văn D 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”;** Nhân thân: Có một án tích đã được xóa và 01 tiền án; Bị bắt tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến nay; có mặt.

2. Lê Văn T, sinh năm 1980, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D1 và bà Trần Thị X; có vợ và 02 con; Tiền sự, tiền án: không; Nhân thân: Có một án tích đã được xóa; Bị bắt tạm giữ từ ngày 20/3/2018; có mặt.

3. Lê Tấn L, sinh năm 1997, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Phụ giúp gia đình; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D và bà Phan Thị Tuyết N; vợ, con: không có; Tiền sự, tiền án: không; Nhân thân: tốt; Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/6/2018; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Ngô Hoàng M, sinh năm 1981; nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Hoàng Trọng Đ, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp H1, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp Q, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 20 phút ngày 13/3/2018, Công an xã A nhận được tin báo của người dân tại khu vực ấp P, xã A, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có tổ chức đánh bạc. Anh Ngô Hoàng M (Trưởng Công an xã A) phân công các anh Đỗ Văn C, Nguyễn Hoàng Trọng Đ, Nguyễn Thanh V là Công an viên xã A cùng đi đến địa điểm tổ chức đánh bạc để xử lý. Khi đến nơi, những người tham gia đánh bạc nhìn thấy Công an xã nên bỏ chạy và để lại một số vật chứng dùng để đánh bạc, Công an xã tiến hành thu giữ vật chứng thì Lê Văn D đi bộ đến yêu cầu anh M trả lại tấm chiếu, anh M không đưa và yêu cầu anh Đại điều khiển xe chạy đi thì D dùng tay phải đánh 01 cái trúng vào vùng mặt bên trái của anh Đ. Lúc này, các anh C, V liền yêu cầu D về trụ sở Công an xã A để làm việc, D chấp hành và lên ngồi trên xe mô tô do anh C điều khiển chở D ngồi giữa, anh V ngồi phía sau cùng; riêng anh Đại thì điều khiển xe mô tô chở anh M cùng chạy về trụ sở Công an xã A.

Khi xe của các anh Công an chạy đến khu vực ngã tư chùa L thuộc ấp P, xã A, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, thì D dùng tay phải đánh vào mặt anh C 01 cái làm xe mô tô do anh C điều khiển bị té ngã xuống đường, D tiếp tục dùng chân trái đạp vào xe và đá trúng hông anh C 01 cái. Cùng lúc, L điều khiển xe mô tô chở T rượt đuổi theo và áp sát vào bên trái xe của anh Đ, L dùng chân phải đạp 01 cái trúng vào lưng của anh M, T dùng chân phải đạp 01 cái trúng vào chân trái của anh

Đ, sau đó Lộc chạy xe vượt lên và cúp đầu xe của anh Đ làm xe bị ngã xuống đường. L, D và T cùng xông vào đánh anh Đ, L dùng tay đánh trúng vào mặt anh Đ 03 cái, T dùng tay đánh trúng vào lưng anh Đ 02 cái, D dùng tay đánh trúng vào mặt anh Đ 01 cái; lúc này, các anh M, C và V chạy đến can ngăn thì T tiếp tục dùng tay đánh trúng vào mặt anh M 01 cái và nắm cổ áo vật ngã anh M xuống đường. Anh C đến can ngăn và kéo T ra thì T chạy vào quán tạp hóa nhà bà Nguyễn Thị P ở ven đường lấy 01 cây dao và 01 cây kéo cầm trên hai tay chạy ra rượt đuổi để đánh các anh M, Đ, C, V nhưng các anh Công an bỏ chạy nên không đánh được.

Các anh Ngô Hoàng M, Nguyễn Hoàng Trọng Đ, Đỗ Văn C, Nguyễn Thanh V chỉ bị thương tích nhẹ nên từ chối giám định thương tích và không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng đã truy tố các bị cáo Lê Văn D, Lê Văn T và Lê Tấn L về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51; của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51; của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lê Tấn L từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Chống người thi hành công vụ”.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận như sau: Vào khoảng 14 giờ 20 phút ngày 13/3/2018, trong khi các anh Ngô Hoàng M, Nguyễn Hoàng Trọng Đ, Đỗ Văn C, Nguyễn Thanh V là Công an xã A đang tiến hành xử lý nơi tổ chức đánh bạc thì Lê Văn D có hành vi dùng tay đánh vào mặt anh Đ. Công an mời bị cáo D về trụ sở Công an xã làm việc, trên đường đi thì Lê Văn D, Lê Văn T, Lê Tấn L có hành vi dùng vũ lực đánh các anh Công an xã A, riêng T dùng dao, kéo để đe dọa và rượt đuổi các anh Công an xã để cản trở các anh làm nhiệm vụ. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ” nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng truy tố các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương và xã hội. Vì vậy, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Vụ án có đồng phạm nhưng không có tổ chức do hành vi của các bị cáo chỉ bộc phát nhất thời và không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể trước khi phạm tội. Nên khi quyết định hình phạt, các bị cáo cùng chịu trách nhiệm với vai trò ngang nhau và có xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo D có một tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo T và L không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên bị cáo T có nhân thân xấu do có một tiền án đã được xóa án.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó bị cáo D, T được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51

của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo L được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo L là con ruột của bị cáo D, xuất phát từ nguyên nhân là do bị cáo muốn bệnh vực cho cha nhưng thiếu kiểm chế nên nhất thời phạm tội. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm. Xét thấy bị cáo L không có thu nhập nên miễn trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Ngô Hoàng M, anh Nguyễn Hoàng Trọng Đ, anh Đỗ Văn C và anh Nguyễn Thanh V không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Không có.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo **Lê Văn D 06 (sáu) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”**; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20/3/2018.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo **Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”**; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20/3/2018.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo **Lê Tấn L 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Chống người thi hành công vụ”**, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 15/6/2018 đến ngày 10/8/2018, cứ 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ là **05 (năm) tháng 21 (hai mươi một) ngày**. Thời hạn bị cáo phải chấp hành cải tạo không giam giữ còn lại là **06 (sáu) tháng 09 (chín) ngày**, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh nhận được Quyết định thi hành án, Bản án. Giao bị cáo **Lê Tấn L** cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục. **Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự**. Trả tự do cho bị cáo L tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội nào khác.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo L.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Văn D, Lê Văn T và Lê Tấn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Trường